TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1332/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/9/2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 249/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/3/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 517/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 06/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 346/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Ngọc V, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Thường trú: Khu phố A, phường N, Quận H, Tp.Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: đường S, ấp L, xã B, huyện M, Tp.Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Dũng E, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Thường trú: ấp M, xã B, huyện M, Tp.Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: đường S, ấp L, xã B, huyện M, Tp.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc V trình bày:

Bà V và ông Phạm Văn Dũng E tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 03/11/1998 tại Uỷ ban nhân dân phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ đầu năm 2021, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn với nhau nhưng không thành, và đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có qua lại, mạnh

ai nấy sống. Nay bà V nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên bà V yêu cầu ly hôn ông Phạm Văn Dũng E.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Thùy V1 (sinh ngày 30/6/2001) và Phạm Ngọc D (sinh ngày 25/12/2004). Hai con chung đã thành niên, bà V không yêu cầu giải quyết gì về con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Phạm Văn Dũng E vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Ngọc V và ông Phạm Văn Dũng E chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 144/CN-KH, Quyển số 02/98 do Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/11/1998 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông Dũng E là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Ngọc V: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn Dũng E không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu, không giao nộp chứng cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bà V để làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo như lời khai của bà V thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Bà V và ông E sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Hiện nay, bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông E. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải nhưng ông E vẫn không

đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không thể hòa giải để vợ chồng trở về sống chung với nhau. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định đời sống chung vợ chồng của bà V và ông E đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà V được ly hôn với ông Dũng E .

[6] Về con chung: bà V và ông E có hai con chung tên Phạm Thị Thùy V1 (sinh ngày 30/6/2001) và Phạm Ngọc D (sinh ngày 25/12/2004). Hai con chung đã thành niên, bà V và ông E không yêu cầu giải quyết gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Bà V và ông E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xE xét.

[8] Về nợ chung: Bà V và ông E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xE xét.

[9] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000 đồng, bà V chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Đặng Thị Ngọc V được ly hôn với ông Phạm Văn Dũng E.

2. Về con chung: Bà V và ông Dũng E có hai con chung tên Phạm Thị Thùy V1 (sinh ngày 30/6/2001) và Phạm Ngọc D (sinh ngày 25/12/2004). Hai con chung đã thành niên, bà V và ông E không yêu cầu giải quyết gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà V phải nộp án phí ly hôn là 300.000đồng, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà V đã nộp theo biên lai số 0024229 ngày 08/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND P.Tân Thới Nhất, Q.12;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam